

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	5283000000	5283000000	2927048540	2927048540	55.41	55.41
I	Các khoản thu 100%	1160000000	1160000000	21107500	21107500	18.2	18.2
1	Phí, lệ phí	31000000	31000000	12302500	12302500	39.69	39.69
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	75000000	75000000	4805000	4805000	6.41	6.41
	Thu từ quỹ đất công ích			4805000	4805000		
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công						
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			4000000	4000000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	10000000	10000000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	78000000	78000000	30864040	30864040	39.57	39.57
1	Các khoản thu phân chia	66000000	66000000	29170600	29170600	44.2	44.2
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11000000	11000000	21557000	21557000	195.97	195.97
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5000000	5000000				
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	50000000	50000000	7613600	7613600	15.23	15.23
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	12000000	12000000	1693440	1693440	14.11	14.11
21	Thu tiền sử dụng đất						
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng	8000000	8000000	1128960	1128960	14.11	14.11
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân	4000000	4000000	564480	564480	14.11	14.11
27	Thuế tiêu thu đặc biệt						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5089000000	5089000000	2875077000	2875077000	56.5	56.5
	Thu bổ sung có mục tiêu			1675077000	1675077000		
1	Thu bổ sung cân đối	5089000000	5089000000	1200000000	1200000000	23.58	23.58